

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÍ 9
THỜI GIAN: 30 PHÚT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ																		
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Điểm; Tỷ lệ %
			TNKG									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
		Vùng Tây Nguyên	1	2					2						1	4		1,25 12,5%
	Vùng Đông Nam Bộ	1	1					1					1	1	2	1	1,75 17,5%	
	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	1			1 Câu 4 ý			1					1				2,0 20,0%	
Số câu			3	3		1 câu 4 ý			1	3				2	5	6	2	13
			6			1			4			2			5	6	3	13
Số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỷ lệ %			15			10			10			15			20	15	15	50
Tổng số câu			12			2			8			4			10	8	8	26
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỷ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100,0

II. BẢNG ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

		Vùng Tây Nguyên * Nhận biết: Xác định được vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ Tây Nguyên, đơn vị hành chính. * Thông hiểu: Trình bày được những điều kiện thuận lợi và khó khăn về tự nhiên và kinh tế xã hội trong phát triển kinh tế của vùng.	1	2						2				
		Vùng Đông Nam Bộ * Nhận biết: Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng. * Thông hiểu: Phân tích được đặc điểm về dân cư, đô thị vùng Đông Nam Bộ. * Vận dụng: Phân tích được vị thế của thành phố Hồ Chí Minh	1	1					1					1
		Vùng Đồng bằng sông Cửu Long * Nhận biết: - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng.				1 câu 4 ý			1					

			- Trình bày được sự phát triển ngành kinh tế thế mạnh của vùng. * Vận dụng: Đề xuất một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.	1						1					
Số câu				4	2	1	1			1	2	1		1	1
				6			1			4			2		
Số điểm				1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ %				15			10			10			15		

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6; mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 phương án

Câu 1. Ngành công nghiệp nào phát triển mạnh nhất ở đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Vật liệu xây dựng.
- B. Cơ khí nông nghiệp.
- C. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. Chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 2. Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

- A. dệt may, da - giày, gốm sứ.
- B. dầu khí, phân bón, năng lượng.
- C. chế biến lương thực - thực phẩm, cơ khí.
- D. dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 3. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay là

- A. đất badan màu mỡ.
- B. đất đai thoái hoá.
- C. khô hạn kéo dài
- D. khí hậu phân hóa.

Câu 4. Vùng Tây Nguyên gồm có bao nhiêu tỉnh?

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 5. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên nhờ có

- A. đất badan tập trung thành vùng lớn.
- B. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên.
- C. một mùa mưa nhiều, một mùa khô.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều.

Câu 6: Đâu **không** phải là đặc điểm về nguồn lao động ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai.
- B. Nguồn lao động dồi dào.
- C. Nhiều lao động lành nghề, có trình độ cao.
- D. Năng suất lao động cao.

Trắc nghiệm đúng sai:

Câu 7. Thí sinh trả lời câu 7. Thí sinh chọn và điền đúng hoặc sai.

Trong các phát biểu sau đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai khi nói về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

a	Diện tích của vùng chiếm 12% diện tích cả nước.	
b	Nằm ở phía đông nam của Tổ quốc.	
c	Liên kề vùng Đông Nam Bộ, giáp với Cam-pu-chia.	
d	Vị trí địa lí và phạm vi còn nhiều hạn chế để phát triển kinh tế.	

Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 8 đến câu 11

Câu 8. Điểm giống nhau giữa vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên về tự nhiên là gì?

Câu 9. Khó khăn lớn nhất về mặt kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên là gì?

Câu 10. Đảo có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

Câu 11. Thành phố nào của Đông Nam Bộ là trung tâm thương mại lớn nhất cả nước?

Phần II: Tự luận (1,5 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) Đề xuất một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. (1,0 điểm) Phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM, THANG ĐIỂM

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ							
Câu	Nội dung						Điểm
Phần trắc nghiệm (3,5 điểm)	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm						1,5
	1	2	3	4	5	6	
	D	D	C	A	B	A	
	Trắc nghiệm đúng sai: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm						1,0
	a	b	c	d			

	Đ	S	Đ	S		
	Trắc nghiệm trả lời ngắn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm Câu 8: Đất badan Câu 9: Nguồn lao động hạn chế về trình độ. Câu 10: Đảo Phú Quốc Câu 11: Thành phố Hồ Chí Minh					1,0
Phần tự luận (1,5 điểm)	Câu 1. Học sinh trình bày được 2 giải pháp - Truyền thông, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và biện pháp thích ứng; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực. - Trồng rừng và bảo vệ rừng để hạn chế độ bốc hơi, chống xói mòn và giữ nước mặt. - Nghiên cứu phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu luân canh, chuyển đổi mùa vụ sản xuất, sử dụng giống chống chịu phù hợp với hệ thống canh tác mới.					0,5
	Câu 2. Vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh - TP Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo bậc nhất nước ta. - Năm 2021, TP Hồ Chí Minh đóng góp khoảng 20% GDP, 13% trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ; 18,5% tổng số vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người/tháng và chỉ số HDI cao bậc nhất cả nước.					1,0

	- TP Hồ Chí Minh đã và đang phát triển theo mô hình đô thị thông minh, hiện đại, đẩy mạnh các dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực châu Á. - TP Hồ Chí Minh là hạt nhân phát triển của vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng động lực phía Nam và cả nước.	
--	--	--

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 9
THỜI GIAN: 60 PHÚT

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Điểm; Tỷ lệ %
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
	THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945-1991	Một số nước ở châu Á từ năm 1945-1991							4						4			1.0 10%
1	VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	Xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (từ tháng 9-1945 đến tháng 12 - 1946)	1	1	2										1	1	2	1.0 10%

		Những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1950)		2					1	1	1				1	3	1	1.25 12.5 %
		Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1951-1954)									1	1	1/2	1/2	1	0.5	1.5	1.75 17.5%
Số câu			1	3	2	4			1	1	2	1	1/2	1/2	7	4.5	4.5	16
			6			4			4			2		7	4.5	4.5	16	
Số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5		2,0	1,5	1,5	5	
Tỉ lệ %			15			10			10			15		20	15	15	50	

II. BẢN ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN LỊCH SỬ							
STT		Nội dung/đơn	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				TNKQ			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng – Sai	Trả lời ngắn	

		Những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1950)	Biết được người ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Thông hiểu: -Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Vận dụng -Phân tích được một số điểm chủ yếu trong <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> .		2					1			1		
		Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1951-1954)	Nhận biết: Những thắng lợi tiêu biểu về quân sự, ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1953 đến 1954 của dân tộc ta. Thông hiểu: -Mô tả được những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp. -Hiểu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.								1		1	1	1/2 <

			Vận dụng: - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Liên hệ thơ văn ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ.												
Số câu				1	3	2	4			1	1	2	1	1/2	1/2
				6			4			4			2		
Số điểm				1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ %				15			10			10			15		

III. ĐỀ KIỂM TRA

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6; mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Một trong những biện pháp lâu dài để giải quyết nạn đói sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. tăng gia sản xuất.

B. lập hũ gạo cứu đói.

C. nghiêm trị đầu cơ tích trữ.

D. kêu gọi “nhường cơm sẻ áo”.

Câu 2. Kẻ thù nguy hiểm nhất của nước ta trong hai năm 1945 và 1946 là ai?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mỹ.

D. Trung Hoa Dân quốc.

Câu 3. Chiến dịch nào mở đầu giai đoạn quân ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc 1951-1952.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 4. Trong chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

A. Thất Khê.

B. Đánh địch trên đường số 4.

C. Đông Khê.

D. Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút về.

Câu 5. Nhận định nào sau đây là không đúng về tình hình nước ta sau cách mạng Tháng Tám 1945?

A. Tài chính trống rỗng, dân số mù chữ nhiều.

B. Thù trong giặc ngoài ra sức chống phá chính quyền cách mạng.

C. Nông nghiệp mất mùa, nguy cơ nạn đói mới xảy ra.

D. Chính quyền mới thành lập rất vững mạnh.

Câu 6. Nhận định nào sau đây là chính xác nhất về việc kí kết hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) của chính phủ Việt Nam với Pháp?

A. Việc làm này thể hiện sự cương quyết của Đảng ta trong quan hệ với Pháp.

B. Hành động đó là nhân nhượng cuối cùng của ta đối với Pháp.

C. Thể hiện sự khôn khéo của chính phủ ta trong việc đối phó với kẻ địch.

D. Làm như vậy để thể hiện sự nhân đạo của ta đối với quân Pháp và quân Tưởng.

Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 7 đến câu 10

Câu 7: Ai là người ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến đêm 19-12-1946?

Trả lời:

Câu 8: Quân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm thực hiện chiến lược gì?

Trả lời:

Câu 9: Đoạn trích “...Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc....” đề cập đến nội dung nào trong đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng?

Trả lời:

Câu 10: Những câu thơ sau gợi nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

“Năm mươi sáu ngày đêm

khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt

Máu trộn bùn non

Gan không núng

Chí không mòn!”

Trả lời:

Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời từ câu 11 đến câu 14. Trong mỗi câu, thí sinh trả lời đúng hoặc sai

Câu 11. Sau CTTG II, Nhật Bản bị quân đội Liên Xô chiếm đóng.	
Câu 12. Nhờ tiến hành cải cách và mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh.	
Câu 13. Khi mới thành lập, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) gồm có 5 thành viên.	
Câu 14. Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 1995 và là thành viên thứ bảy của tổ chức này.	

Phần II: Tự luận (1,5 điểm)

Câu 1 (0.5 đ) Cho biết những thắng lợi tiêu biểu về quân sự và ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp trong năm 1954 của dân tộc ta?

Câu 2 (1.0 đ) Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam thắng lợi do những nguyên nhân nào? Chọn 01 nguyên nhân em cho là quan trọng nhất và phân tích?

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM, THANG ĐIỂM

PHÂN MÔN LỊCH SỬ						
Câu	Nội dung					Điểm
Phần trắc nghiệm (3,5 điểm)	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm					1,5
	1	2	3	4	5	6
	A	B	B	C	D	C
	Trắc nghiệm trả lời ngắn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm Câu 7: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Câu 8: Đánh nhanh thắng nhanh. Câu 9: Toàn dân. Câu 10: Chiến thắng Điện Biên Phủ.					1,0
	Trắc nghiệm đúng sai: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm					1,0
	Câu	11	12	13	14	
	Đáp án	S	Đ	Đ	Đ	
Phần tự luận	Câu 1: Cho biết những thắng lợi tiêu biểu về quân sự, ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1953 đến 1954 của nhân dân ta?					0.25

(1,5 điểm)	- Thắng lợi về quân sự: giành chiến thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) - Thắng lợi về ngoại giao: Buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ kết thúc chiến tranh ngày 21-7-1954.	0,25
	Câu 2: Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi? Chọn 01 nguyên nhân em cho là quan trọng nhất và phân tích <i>Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi vì:</i> - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. - Sự đóng góp của toàn dân, toàn quân, đặc biệt là sự chiến đấu anh dũng, quả cảm của những người lính quân đội nhân dân Việt Nam. - Nhờ vào liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương, sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và nhân dân tiến bộ trên thế giới. <i>Chọn 01 nguyên nhân em cho là quan trọng nhất và phân tích</i> <u>Gợi ý:</u> Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh” đã huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào cuộc kháng chiến...	0.25 0,25 0.5